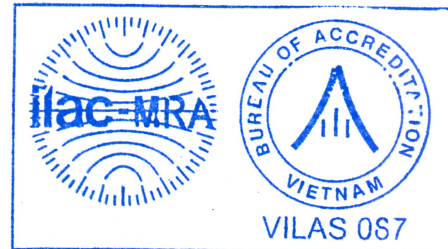




BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM

Số: 29/2021

ĐAN SÂM

(Radix et Rhizoma Salviae miltiorrhizae)

SKS: HP0221016

Rễ và thân rễ phơi, sấy khô của cây Đan sâm (*Salvia miltiorrhiza* Bunge), họ Bạc hà (Lamiaceae), đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng.

II. Mô tả: Bột màu đỏ nâu.

III. Liên kết chuẩn

Dược liệu chuẩn Đan sâm (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 120923-201816.

Chất chuẩn tanshinon II_A (NIFDC- Trung Quốc), SKS: 110766-202022, HL: 98,9 % (C₁₉H₁₈O₃), tính theo nguyên trạng.

Chất chuẩn acid salvianolic B (Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương), SKS: EC0121005, HL: 92,2 % (C₃₆H₃₀O₁₆), tính theo nguyên trạng.

IV. Kết quả phân tích

1. Bột : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Đan sâm.

2. Độ ẩm : 11,2 %.

PP sấy (1g, 105°C, 5h)

3. Tro toàn phần : 7,0 %.

4. Tro không tan trong acid : 1,6 %.

5. Định tính

Phản ứng hóa học : Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Đan sâm.

Phương pháp SKLM

Phương pháp 1 : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Đan sâm và có một vết màu đỏ đậm có cùng màu sắc và giá trị R_f với vết tanshinon II_A trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Phương pháp 2 : Trên sắc ký đồ của dung dịch thử có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết thu được trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu Đan sâm và có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết acid salvianolic B trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

6. Chất chiết được trong dược liệu

PP chiết nóng, dung : 15,1 %, tính theo dược liệu khô kiệt.
môi là ethanol 96 %.

PP chiết lạnh, dung : 71,3 %, tính theo dược liệu khô kiệt.
môi là nước.

7. Định lượng

Tanshinon II_A : 0,3 % (C₁₉H₁₈O₃), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

Acid salvianolic B : 6,7 % (C₃₆H₃₀O₁₆), tính theo dược liệu khô kiệt.

Phương pháp HPLC

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Đã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	01/2023	<i>Nha</i>
01/2023	01/2024	<i>Nha</i>
01/2024	01/2025	<i>Nha</i>

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2022

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN PHỔ VIỆN TRƯỞNG
KIỂM NGHIỆM
THUỐC
TRUNG ƯƠNG
Lê Quang Thảo

Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>